

## **KẾ HOẠCH**

### **Thực hiện “Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050” trên địa bàn tỉnh Nam Định**

Thực hiện Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Văn bản số 198/TTg-NN ngày 25/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai thực hiện Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện như sau:

## **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

### **1. Mục đích**

Cụ thể hóa Quyết định số 150/QĐ-TTg cho phù hợp với đặc điểm, tình hình của tỉnh; là căn cứ để các cấp, các ngành xây dựng và triển khai các giải pháp cụ thể để thực hiện các nhiệm vụ phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Nam Định.

### **2. Yêu cầu**

- Các cấp, các ngành, các đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ, phạm vi, lĩnh vực công tác được giao tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đã nêu trong Quyết định số 150/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch của UBND tỉnh.

- Đảm bảo sự chỉ đạo, điều hành tập trung thống nhất của UBND tỉnh, sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị đối với những nhiệm vụ trọng tâm theo đúng với tinh thần Quyết định số 150/QĐ-TTg.

## **II. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu chung**

Xây dựng nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa, phát triển nông nghiệp dựa trên lợi thế của Tỉnh, theo hướng hiện đại nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, bền vững và khả năng cạnh tranh nông sản, đảm bảo an ninh lương thực, góp phần quan trọng trong việc ổn định kinh tế - xã hội, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, bảo vệ môi trường, sinh thái, ứng phó với biến đổi khí hậu. Nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống, vai trò và vị thế của người tham gia sản xuất nông nghiệp; tạo việc làm phi nông nghiệp để phát triển sinh kế đa dạng, giảm nghèo bền vững cho người dân nông thôn. Phát triển nông thôn toàn diện, hiện đại kết nối với đô thị. Phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới

(NTM) nâng cao, kiểu mẫu, theo hướng nông nghiệp sinh thái có hiệu quả cao, nông thôn hiện đại và nông dân văn minh.

## **2. Mục tiêu cụ thể**

### **2.1. Giai đoạn đến năm 2030**

- Tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng ngành nông nghiệp đạt bình quân khoảng 2,0 - 2,5%/năm; tỷ trọng ngành nông lâm, thủy sản chiếm xấp xỉ 10% trong cơ cấu kinh tế của tỉnh.

- Tỷ lệ giá trị sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản (sau đây gọi là nông sản) được sản xuất dưới các hình thức hợp tác và liên kết đạt trên 30%.

- Tỷ lệ lao động nông nghiệp được đào tạo đạt trên 75%.

- Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn tăng gấp trên 1,7 lần so với năm 2020. Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm xuống còn dưới 0,15%.

- Có 100% số xã đạt chuẩn NTM nâng cao, 80% số huyện đạt chuẩn NTM nâng cao; có 35% số xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu, có ít nhất 03 huyện đạt chuẩn NTM kiểu mẫu.

- Phát triển nền nông nghiệp xanh, thân thiện với môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm ô nhiễm môi trường nông thôn, phấn đấu giảm phát thải khí nhà kính 10% so với năm 2020.

- Tỷ lệ che phủ rừng đạt 2,0%. Duy trì ổn định diện tích khu bảo tồn vùng đất ngập nước VQG Xuân Thủy.

### **2.2. Tầm nhìn đến năm 2050**

Phấn đấu đến năm 2050, Nam Định trở thành một trong những tỉnh phát triển khá của cả nước, trong đó nông nghiệp phát triển theo hướng hiện đại, hiệu quả cao, thân thiện với môi trường. Nông thôn không còn hộ nghèo và trở thành “nơi đáng sống”, văn minh, xanh - sạch - đẹp với điều kiện sống, thu nhập dân cư nông thôn tiệm cận và kết nối chặt chẽ, hài hòa với đô thị.

## **III. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU**

### **1. Hoàn chỉnh cơ cấu sản xuất nông nghiệp gắn với lợi thế cạnh tranh và yêu cầu thị trường**

#### **1.1. Cơ cấu theo các nhóm sản phẩm chủ lực**

##### **1.1.1. Nhóm sản phẩm chủ lực cấp tỉnh**

Tập trung phát triển các cây trồng, vật nuôi, thủy sản chủ lực của tỉnh: Lúa (lúa chất lượng cao, lúa đặc sản); rau, củ (theo hướng hữu cơ, VietGap,...); hoa, cây cảnh (hoa cúc, hoa ly, cây bonsai, cây thế); lợn (lợn thịt và lợn sữa), gà (thịt và trứng); tôm nước lợ (tôm thẻ chân trắng, tôm sú), ngao theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với chuỗi liên kết bền vững, áp dụng khoa học công nghệ, cơ giới hóa, phát triển công nghiệp chế biến nông sản, đảm bảo an toàn thực phẩm, xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu gắn với truy xuất nguồn gốc, đáp ứng nhu cầu thị trường, bảo đảm an ninh lương thực và thích ứng với biến đổi khí hậu. Cụ thể:

- Lúa (lúa chất lượng cao, lúa đặc sản): Nâng cao hiệu quả sử dụng đất trồng lúa, giữ ổn định 50.000 - 55.000 ha đất trồng lúa với diện tích gieo trồng từ 100.000 - 110.000 ha/năm, sản lượng thóc 610.000 tấn trở lên, đáp ứng đủ cho nhu cầu tiêu dùng trong tỉnh và một phần cung cấp cho các tỉnh khác. Trong đó, lúa chất lượng cao: Diện tích khoảng 70.000 ha/năm, sản lượng 350.000 tấn/năm trở lên; lúa đặc sản: Diện tích 6.500 ha/năm, sản lượng 25.000 tấn. Tỷ lệ gieo trồng lúa chất lượng cao và lúa đặc sản đạt trên 75%, tỷ lệ sử dụng giống lúa cấp xác nhận trở lên đạt trên 90%.

- Rau, củ (sản xuất theo hướng hữu cơ, VietGap hoặc tương đương): Đẩy mạnh phát triển các vùng sản xuất rau tập trung, áp dụng công nghệ cao, quy trình sản xuất tốt, hữu cơ đảm bảo an toàn thực phẩm, với diện tích gieo trồng từ 16.000 ha trở lên. Trong đó, rau, củ theo hướng hữu cơ, VietGap hoặc tương đương: Diện tích 200 - 300 ha, sản lượng 3.000 - 4.000 tấn.

- Hoa, cây cảnh: Tiếp tục phát triển nghề trồng hoa, cây cảnh với diện tích từ 3.000 - 3.200 ha; tập trung phát triển nhóm hoa, cây cảnh ở những làng nghề truyền thống; mở rộng mô hình trồng hoa, cỏ Nhật,... ở vùng ven đê. Chú trọng sản xuất theo hướng công nghệ cao, áp dụng kỹ thuật tiên tiến để nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống của người dân; tích cực mở rộng thị trường tiêu thụ, xây dựng thương hiệu cho hoa, cây cảnh của địa phương.

- Chăn nuôi lợn:

+ Phát triển chăn nuôi lợn theo hướng chăn nuôi đảm bảo an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh; đảm bảo an toàn thực phẩm, bền vững môi trường; chăn nuôi theo hình thức trang trại, liên kết chuỗi giá trị nhằm đảm bảo và nâng cao hiệu quả trong sản xuất chăn nuôi. Duy trì tổng đàn lợn có mặt thường xuyên khoảng 750.000 - 800.000 con, sản lượng thịt lợn hơi (tính cả lợn sữa) đạt trên 175.000 tấn.

+ Khuyến khích tổ chức, cá nhân tăng cường nhập các giống cao sản có năng suất, chất lượng, phù hợp với từng vùng, từng phương thức chăn nuôi và nhu cầu thị trường; sử dụng con giống bố mẹ có nguồn gốc, lý lịch rõ ràng để sản xuất con lai thương phẩm có 3 - 4 máu. Tiếp tục sử dụng nái Móng Cái để sản xuất lợn sữa xuất khẩu. Mở rộng mạng lưới thụ tinh nhân tạo và tiêu chuẩn hoá các cơ sở, chất lượng lợn đực giống.

- Chăn nuôi gà (thịt và trứng): Duy trì tổng đàn gà trên 6,8 triệu con, sản lượng trứng đạt 217 triệu quả. Chuyển nhanh phương thức chăn nuôi nông hộ, phân tán sang chăn nuôi trang trại theo hướng hàng hóa, có liên kết. Phát triển chăn nuôi gắn với kiểm soát tốt dịch bệnh, nhất là dịch bệnh cúm gia cầm... Chú trọng phát triển chăn nuôi gắn với tiêu thụ sản phẩm, lựa chọn bộ giống có khả năng sinh trưởng, phát triển tốt, hiệu quả kinh tế cao, đáp ứng thị hiếu ngày càng cao của người tiêu dùng, thích ứng với khí hậu của địa phương. Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp có đủ điều kiện xây dựng cơ sở sản xuất giống tại địa phương đảm bảo con giống tốt, sạch mầm bệnh...

- Ngao:

+ Khai thác các tiềm năng, lợi thế của tỉnh, phát triển nuôi ngao theo hướng sản xuất hàng hóa, hiệu quả, bền vững đáp ứng tốt các yêu cầu của thị trường. Đẩy

mạnh việc kiểm soát, truy xuất nguồn gốc, từng bước mở rộng các vùng nuôi ngao được chứng nhận ASC tạo điều kiện cho sản phẩm ngao xuất khẩu vào những thị trường lớn.

+ Duy trì ổn định 03 vùng sản xuất giống và nuôi ngao thương phẩm, với diện tích 2.350 ha tại: Giao Thủy, Nghĩa Hưng, Hải Hậu; sản lượng đến năm 2030 đạt khoảng 13 - 15 tỷ con ngao giống và 60.000 tấn ngao thương phẩm.

- Tôm nước lợ (tôm sú, tôm thẻ chân trắng):

+ Phát triển nuôi tôm nuôi nước lợ theo hướng tập trung quy mô lớn, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao và quy trình nuôi tiên tiến (theo tiêu chuẩn VietGAP hoặc các tiêu chuẩn tương đương) để nâng cao năng suất, chất lượng, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm gắn với bảo vệ môi trường sinh thái. Tiếp tục mở rộng các vùng nuôi tôm nước lợ tập trung theo kế hoạch chuyển đổi của địa phương và gắn với nhu cầu của thị trường. Đến năm 2030, diện tích nuôi 3.370 ha, tập trung tại các huyện Giao Thủy, Hải Hậu, Nghĩa Hưng; sản lượng nuôi đạt khoảng 9.000 tấn trở lên.

+ Khuyến khích đầu tư cơ sở hạ tầng, kỹ thuật, tiếp nhận và ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực sản xuất giống nhằm tạo ra giống tôm nước lợ chất lượng cao, sạch bệnh; tăng cường kiểm tra, kiểm soát điều kiện cơ sở, chất lượng con giống trong sản xuất, ương dưỡng, nhất là đối với giống nhập tỉnh. Nâng cao hiệu quả sản xuất, ương dưỡng giống tôm nước lợ của các cơ sở, đảm bảo cung cấp cho thị trường trên 2,7 tỷ con giống/năm (sản xuất 0,12 - 0,15 tỷ con giống tôm sú; ương dưỡng trên 2,5 tỷ con giống tôm nước lợ).

#### 1.1.2. Nhóm sản phẩm đặc sản địa phương và lợi thế vùng miền

Tiếp tục triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả Đề án Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) giai đoạn 2018 - 2020, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 293/QĐ-UBND ngày 30/01/2019 của UBND tỉnh và các chương trình, dự án của Trung ương, của tỉnh giai đoạn 2021 - 2030. Tập trung triển khai các cơ chế chính sách, giải pháp để nâng cao chất lượng sản phẩm, năng lực tổ chức sản xuất từng bước tiếp cận thị trường bền vững theo chuỗi giá trị sản phẩm gắn với Chương trình OCOP. Hoàn thiện sản phẩm theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đăng ký nhãn hiệu hàng hóa gắn với truy xuất nguồn gốc và bảo hộ sở hữu trí tuệ. Triển khai xây dựng mô hình hỗ trợ cấp và quản lý mã số vùng trồng, vùng nuôi thủy sản chủ lực. Tăng cường tiếp cận và ứng dụng các nội dung của Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 (4.0), đặc biệt là các ứng dụng của Nông nghiệp 4.0 vào tổ chức sản xuất hàng hóa, áp dụng công nghệ số trong quản lý và thương mại sản phẩm.

#### 1.2. Cơ cấu lại sản xuất theo từng lĩnh vực

##### 1.2.1. Trồng trọt

- Phát triển trồng trọt theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung theo chuỗi giá trị, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm. Đến năm 2030, giá trị sản phẩm trên 01 ha đất canh tác đạt trên 140 triệu đồng. Tổng sản lượng lương thực có hạt đạt trên 752.000 tấn.



- Cơ cấu lại sản xuất trong lĩnh vực trồng trọt theo hướng giảm tỷ trọng giá trị sản xuất cây lương thực xuống còn khoảng 60%, cây công nghiệp ngắn ngày khoảng 5%, rau đậu các loại và hoa khoảng 26%, cây lâu năm (cây ăn quả, cây dược liệu lâu năm, cây cảnh...) khoảng 8% nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường và bảo đảm an ninh lương thực.

- Phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, an toàn đáp ứng nhu cầu thị trường; nhân rộng các mô hình áp dụng các quy trình kỹ thuật tiên tiến, biện pháp thâm canh bền vững trong điều kiện biến đổi khí hậu gắn với quản lý chất lượng sản phẩm theo chuỗi. Nâng cao năng lực giám sát và dự báo, phòng trừ hiệu quả sinh vật gây hại cây trồng, chủ động phòng ngừa đối với loại sâu, bệnh mới. Kiểm soát chặt chẽ sản xuất, kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật. Hướng dẫn, khuyến khích người dân sử dụng phân bón hữu cơ, thuốc trừ sâu sinh học. Phấn đấu đến năm 2030, diện tích nhóm đất sản xuất nông nghiệp sản xuất hữu cơ, theo hướng hữu cơ hoặc an toàn đạt khoảng trên 1,5% tổng diện tích nhóm đất sản xuất nông nghiệp. Tỷ lệ sử dụng phân bón hữu cơ trong tổng lượng phân bón các loại được sử dụng đạt trên 10%; tăng số lượng thuốc bảo vệ thực vật sinh học trong danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng đạt trên 20%.

- Nhân rộng và phát huy hiệu quả các mô hình tích tụ, tập trung ruộng đất; hình thành các cánh đồng lớn, cánh đồng liên kết, tổ chức các chuỗi giá trị từ sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản hàng hóa. Tiếp tục xây dựng các chuỗi liên kết mới; phát triển số lượng và quy mô các chuỗi liên kết hiện có: Chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm giống lúa, lúa Japonica; chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm lúa Bắc thơm 7; chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ rau an toàn; chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ cây dược liệu,...

- Quản lý và sử dụng hiệu quả đất trồng lúa; thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng các cây khác hoặc lúa - cá có hiệu quả kinh tế cao hơn.

### 1.2.2. Chăn nuôi

- Phát triển chăn nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung theo quy hoạch, nuôi hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao, chăn nuôi tuần hoàn theo chuỗi giá trị; bảo đảm an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu. Tập trung cải tạo con giống theo hướng tăng năng suất, chất lượng; cơ cấu lại đàn vật nuôi phù hợp nhu cầu thị trường, phát huy tối đa tiềm năng lợi thế của địa phương. Giảm tỷ trọng đàn lợn, tăng tỷ trọng đàn gia súc ăn cỏ. Sản lượng thịt các loại từ khoảng 220.000 tấn; sản lượng trứng gia cầm đạt trên 510 triệu quả.

- Nâng cao năng lực phòng, chống dịch bệnh và bảo vệ môi trường; quản lý chặt chẽ sản xuất, kinh doanh, buôn bán vật tư, thuốc thú y, nghiêm cấm sử dụng chất cấm trong chăn nuôi. Triển khai có hiệu quả việc xây dựng bản đồ dịch tễ để kiểm soát các loại dịch bệnh nguy hiểm và dịch bệnh mới nổi, chủ động trong công tác phòng, chống dịch bệnh.

- Đẩy mạnh việc ứng dụng có chọn lọc các thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến vào sản xuất (chuồng trại, con giống, thức ăn chăn nuôi, xử lý môi trường),

chú trọng ứng dụng công nghệ của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư nhằm nâng cao sức cạnh tranh của ngành chăn nuôi. Xây dựng ít nhất 70 - 100 cơ sở, 1 - 2 vùng chăn nuôi an toàn dịch bệnh; nhân rộng các mô hình chăn nuôi tiên tiến, hình thành các chuỗi liên kết sản xuất - tiêu thụ sản phẩm thịt lợn, gà, trứng và phát triển thành sản phẩm OCOP; hình thành các trang trại chuyên sản xuất, cung ứng con giống chất lượng cao, phù hợp với nhu cầu thị trường. Khuyến khích, thu hút doanh nghiệp đầu tư xây dựng trang trại chăn nuôi theo phương thức chăn nuôi công nghiệp, bán công nghiệp, an toàn sinh học, bảo vệ môi trường gắn với giết mổ, chế biến, tiêu thụ an toàn, bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng. Nâng tỷ lệ sản phẩm chăn nuôi được sản xuất trong các trang trại, hộ chăn nuôi chuyên nghiệp bảo đảm an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh và thân thiện với môi trường đạt trên 60%.

- Phát triển công nghiệp chế biến nhằm đa dạng sản phẩm chăn nuôi; phân đầu tỷ trọng gia súc và gia cầm được giết mổ tập trung công nghiệp hoặc giết mổ tại cơ sở được cấp giấy chứng nhận hoặc cam kết an toàn thực phẩm đạt tương ứng khoảng 60% và 40%; tỷ trọng thịt gia súc, gia cầm được chế biến so với tổng sản lượng thịt đạt từ 25 - 30%.

### 1.2.3. Thủy sản

- Phát triển ngành thủy sản toàn diện trên các lĩnh vực nuôi trồng, khai thác, chế biến và dịch vụ hậu cần thủy sản theo hướng hiệu quả, hiện đại, bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái, phù hợp với yêu cầu hội nhập quốc tế, góp phần bảo vệ quốc phòng, an ninh trên các vùng biển. Phân đầu đến năm 2030, tổng sản lượng thủy sản đạt khoảng 230.150 tấn trở lên, trong đó nuôi trồng thủy sản đạt 170.150 tấn, khai thác thủy sản đạt 60.000 tấn.

- Phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng hàng hóa tập trung, đa dạng hóa các đối tượng nuôi có giá trị kinh tế cao, phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng của tỉnh, có khả năng cạnh tranh cao trên thị trường, trong đó tập trung phát triển các sản phẩm thủy sản chủ lực của tỉnh (tôm nước lợ, ngao) và những loài có giá trị kinh tế cao, áp dụng các quy trình nuôi an toàn dịch bệnh, bảo vệ môi trường, tạo khối lượng sản phẩm lớn phục vụ chế biến xuất khẩu và tiêu thụ nội địa. Khuyến khích và nhân rộng các mô hình nuôi trồng thủy sản thâm canh, siêu thâm canh áp dụng công nghệ mới, tiên tiến, năng suất cao, giảm giá thành sản xuất, thân thiện môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; các mô hình nuôi sinh thái, áp dụng các tiêu chuẩn chứng nhận thực hành nuôi trồng thủy sản tốt (VietGAP, GlobalGAP) hoặc các tiêu chuẩn tương đương. Tiếp tục xây dựng và phát triển các chuỗi liên kết thủy sản, hỗ trợ cấp chứng nhận, truy xuất nguồn gốc sản phẩm và phát triển thêm các sản phẩm OCOP thủy sản. Tăng cường công tác quan trắc cảnh báo môi trường, phòng chống dịch bệnh; công tác quản lý sản xuất và cung ứng giống thủy sản; phân đầu xây dựng và hình thành vùng sản xuất giống tập trung chất lượng cao tại huyện Giao Thủy.

- Tiếp tục thực hiện các chính sách về phát triển thủy sản; triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình khai thác hải sản trong Chiến lược phát triển kinh tế biển; tuân thủ quy định quốc tế về bảo vệ nguồn lợi thủy sản, quyết liệt chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU). Nâng cao

năng lực và hiệu quả khai thác, đẩy mạnh khai thác xa bờ, giảm dần khai thác ven bờ và tổ chức có hiệu quả các dịch vụ hậu cần nghề cá. Tổ chức sản xuất theo các mô hình liên kết như tổ đội, nghiệp đoàn, HTX,... Ưu tiên các nghề khai thác có tính chọn lọc, tăng cường ứng dụng khoa học kỹ thuật trong khai thác (thông tin liên lạc, rada, định vị, đo sâu, dò cá...). Đầu tư xây dựng và đưa vào khai thác sử dụng các khu neo đậu tránh trú bão, cảng cá; khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư xây mới, nâng cấp cơ sở dịch vụ nghề cá ven biển và phát triển công nghiệp hỗ trợ phục vụ ngành khai thác thủy sản.

#### 1.2.4. Lâm nghiệp

Thực hiện tốt Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lâm nghiệp và các văn bản hiện hành. Quản lý, bảo vệ và phát triển diện tích rừng hiện có. Triển khai thực hiện Đề án trồng 1 tỷ cây xanh giai đoạn 2021 - 2025; tranh thủ các nguồn vốn hỗ trợ triển khai tích cực các dự án trồng và nâng cao chất lượng rừng nhằm tăng cường năng lực ứng phó biến đổi khí hậu và giảm nhẹ rủi ro do thiên tai. Thực hiện tốt công tác quản lý, phát triển bền vững Vườn quốc gia Xuân Thủy. Phân đầu đến năm 2030 tỷ lệ che phủ rừng đạt 2,0%.

#### 1.2.5. Diêm nghiệp

- Rà soát diện tích đất muối hiện có, điều chỉnh quy hoạch các vùng sản xuất muối theo lợi thế về điều kiện tự nhiên của từng vùng, đảm bảo giữ ổn định diện tích đất sản xuất muối 550 ha. Thực hiện dồn điền, đổi thửa, đầu tư nâng cấp hạ tầng kỹ thuật cho vùng muối, xây dựng đồng muối theo hướng tập trung, áp dụng cơ giới hóa và tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm.

- Xây dựng và phát triển các mô hình liên kết chuỗi trong sản xuất muối sạch; chế biến, tiêu thụ muối sạch, muối chứa nhiều khoáng chất, vi chất dinh dưỡng tự nhiên với hàm lượng NaCl thấp có lợi cho sức khỏe người tiêu dùng.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp, Hợp tác xã đầu tư nâng cấp máy móc, trang thiết bị kỹ thuật để nâng cao năng lực chế biến, tiêu thụ sản phẩm, nghiên cứu chế biến sản phẩm mới, đa dạng hóa các sản phẩm; phân đầu đưa ngành chế biến muối của tỉnh là ngành chế biến muối trọng điểm của vùng đồng bằng sông Hồng với sản lượng muối chế biến đạt 100.000 tấn/năm cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

- Thực hiện tốt Đề án nâng cao giá trị sản xuất chế biến muối giai đoạn 2021 - 2030: Dự án cải tạo hạ tầng đồng muối Bạch Long 230 ha; Dự án nghiên cứu hoàn thiện quy trình sản xuất muối sạch, nâng cao giá trị gia tăng và thích ứng với biến đổi khí hậu tại vùng sản xuất muối phơi cát Nam Định; Dự án phát triển mô hình sản xuất muối gắn với du lịch nông thôn nông nghiệp.

## **2. Tổ chức các khâu quan trọng trong sản xuất, nâng cao hiệu quả, đảm bảo phát triển bền vững**

- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, chuyển giao công nghệ vào chọn, tạo, ứng dụng giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản có năng suất, chất lượng và khả năng chống chịu, thích ứng với biến đổi khí hậu. Khuyến khích và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất giống tiếp cận, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ

mới trong sản xuất giống nhằm cung cấp cho thị trường giống cây trồng, vật nuôi đảm bảo chất lượng, an toàn dịch bệnh. Thúc đẩy hợp tác quốc tế, nhập nội những giống cây trồng, vật nuôi có tính trạng tốt phù hợp với điều kiện của Nam Định. Tăng cường công tác quản lý giống nhằm tăng nhanh và tỷ lệ sử dụng giống đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật cho sản xuất.

- Đổi mới phương thức quản lý, sử dụng và kinh doanh vật tư nông nghiệp hướng tới nền sản xuất nông nghiệp chuyên nghiệp, có trách nhiệm; Tăng cường sử dụng phân bón hữu cơ, phân bón vi sinh, thuốc bảo vệ thực vật sinh học... Xây dựng các chương trình quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM) và sử dụng sinh vật có ích trên cây trồng chủ lực nhằm bảo vệ sản xuất, kiểm soát mức độ suy thoái đất, bảo vệ sức khỏe con người, động vật và môi trường sinh thái. Tăng cường sử dụng sản phẩm nông nghiệp trong nước, phụ phẩm chế biến để tái sản xuất thức ăn chăn nuôi, thủy sản, phân bón hữu cơ... để giảm phụ thuộc vào nguồn nhập khẩu. Tăng cường công tác quản lý hoạt động buôn bán, sử dụng các loại vật tư nông nghiệp, các cơ sở kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, thủy sản, thức ăn chăn nuôi, thủy sản, sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường nuôi trồng thủy sản;...

- Đẩy mạnh áp dụng cơ giới hóa đồng bộ vào các khâu sản xuất, bảo quản, chế biến nông sản, phù hợp với điều kiện địa phương, từng loại cây trồng, vật nuôi. Phát triển các tổ chức kinh doanh dịch vụ cơ giới hóa nông nghiệp, công nghiệp hỗ trợ và đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất hàng hóa lớn trong nông nghiệp. Nâng cao tỷ lệ cơ giới hóa các khâu trong sản xuất nông nghiệp, bảo quản nông sản sau thu hoạch; đặc biệt là cơ giới hóa khâu cấy lên 30%.

- Tập trung xây dựng các vùng sản xuất chuyên canh lúa, màu, các khu nuôi trồng thủy sản đảm bảo tiêu chuẩn bền vững, đáp ứng nhu cầu thị trường: Hình thành vùng sản xuất lúa chất lượng cao có lợi thế cạnh tranh tại các huyện phía Nam; vùng lúa đặc sản (nếp, tám, dự) tại các huyện Nghĩa Hưng, Xuân Trường, Hải Hậu,...; vùng sản xuất rau an toàn tập trung tại các huyện Giao Thủy, Hải Hậu, Nam Trực, Ý Yên, Xuân Trường; vùng sản xuất hoa, cây cảnh tại thành phố Nam Định, Nam Trực, Hải Hậu; vùng nuôi trồng thủy sản tập trung ứng dụng công nghệ cao tập trung tại các huyện Giao Thủy, Nghĩa Hưng, Hải Hậu,...

- Phát triển công nghiệp chế biến nông sản gắn với các vùng sản xuất nguyên liệu tập trung được ứng dụng cơ giới hóa và theo nhu cầu tiêu thụ của thị trường. Hướng dẫn, hỗ trợ tổ chức liên kết sản xuất theo chuỗi để nâng cao khả năng cung cấp nguyên liệu cho khâu chế biến, bảo đảm đủ số lượng, chất lượng, ổn định mặt hàng. Đa dạng hóa sản phẩm chế biến, tăng tỷ trọng chế biến sâu, chế biến tinh, chế biến công nghệ cao; tăng chế biến từ các phụ phẩm nông nghiệp để nâng cao giá trị gia tăng. Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ, máy móc, thiết bị, cải tạo nâng cấp và mở rộng quy mô sản xuất và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng hiện đại; đảm bảo kiểm soát được chất lượng, an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, phục vụ tốt cho nhu cầu thị trường và bảo vệ môi trường.

### **3. Thúc đẩy hợp tác, liên kết, phát triển chuỗi giá trị, các mô hình nông nghiệp tiên tiến**



- Nhân rộng và phát huy hiệu quả các mô hình liên kết sản xuất - tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị. Thí điểm và nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp thông minh,...

- Nâng cao sự gắn kết và phát huy tối đa vai trò tích cực của các thành phần tham gia chuỗi giá trị.

#### **4. Phát triển kinh tế nông thôn tạo việc làm và tăng thu nhập cho cư dân nông thôn**

- Tổ chức, quản lý, sử dụng hiệu quả các quy hoạch; tập trung thu hút đầu tư xây dựng hạ tầng các Cụm công nghiệp để tạo mặt bằng sạch thu hút các nhà đầu tư thứ cấp; phát triển doanh nghiệp, ngành nghề ở khu vực nông thôn, góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập và chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động nông thôn theo hướng giảm tỷ lệ lao động nông nghiệp, tăng tỷ lệ lao động công nghiệp, dịch vụ. Phát triển công nghiệp, dịch vụ, làng nghề, ngành nghề nông thôn gắn với du lịch sinh thái, du lịch nông thôn. Tập trung phát triển mạnh hệ thống các siêu thị, cửa hàng tiện lợi, các kênh bán lẻ tại nông thôn để tiêu thụ sản phẩm.

- Phát triển các tổ chức của nông dân, người lao động (đổi mới hoạt động hội nông dân, tổ chức các nghiệp đoàn, công đoàn lao động theo các ngành nghề, lĩnh vực hoạt động) để bảo vệ quyền lợi cơ bản và hỗ trợ hiệu quả người lao động trong công tác đào tạo kỹ năng gắn với nhu cầu của thị trường, trang bị bằng cấp, cho vay vốn, hỗ trợ bảo hiểm xã hội, giúp tiếp cận thị trường lao động chính thức.

#### **5. Xây dựng nông thôn văn minh, hiện đại gắn với đô thị hóa, giữ gìn văn hóa truyền thống**

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu, nông thôn mới thông minh.

- Tiếp tục quan tâm có cơ chế tạo thuận lợi huy động các nguồn lực xã hội và vai trò chủ thể của người dân; khuyến khích các mô hình người dân tự chủ, tự làm, tự chịu trách nhiệm trong xây dựng, quản lý, khai thác các cơ sở hạ tầng, các thiết chế văn hóa cơ sở. Đồng thời tiếp tục có kế hoạch củng cố nâng cấp, phát triển hạ tầng nông thôn theo hướng hiện đại, đồng bộ, kết nối để đáp ứng tốt hơn yêu cầu cho phát triển kinh tế - xã hội.

- Củng cố, hoàn thiện, duy tu, bảo dưỡng và nâng cao chất lượng hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội hiện có phục vụ sản xuất và dân sinh ở nông thôn. Chú trọng đầu tư xây dựng mới kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn gắn với phát triển đô thị, trong đó ưu tiên đầu tư hạ tầng giao thông, công nghiệp, thương mại, dịch vụ, khu “đô thị mới” ở nông thôn, khu xử lý rác thải tập trung liên huyện, liên vùng,... để khai thác tối đa các tiềm năng, lợi thế sẵn có.

- Nâng cao chất lượng hệ thống hạ tầng giao thông trên địa bàn xã, hạ tầng giao thông kết nối liên xã, liên huyện. Nâng cấp hệ thống lưới điện nông thôn theo hướng an toàn, ổn định và đảm bảo mỹ quan. Nâng cấp cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành ở cấp xã đảm bảo an toàn, đồng bộ, kết nối liên ngành và liên vùng.

- Đầu tư nâng cấp, kiên cố hóa hạ tầng đề điều, thủy lợi, thủy sản; trong đó ưu tiên xử lý các điểm xung yếu, các công trình trọng điểm phòng, chống lụt bão và khắc phục hậu quả thiên tai; củng cố, nâng cấp hệ thống thủy lợi theo quy hoạch. Từng bước hiện đại hóa, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, tự động hóa trong công tác quản lý, khai thác công trình thủy lợi, đảm bảo bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Nâng cấp hệ thống hạ tầng thương mại nông thôn đáp ứng nhu cầu mua bán hàng hóa của người dân nông thôn. Tập trung xây dựng và nâng cấp hệ thống các công trình cấp nước sạch tập trung, đảm bảo chất lượng nước sạch theo quy định của Bộ Y tế; khuyến khích đầu tư xây dựng theo hình thức xã hội hóa. Phân đầu đến năm 2030, có trên 98% số hộ dân nông thôn được cung cấp nước sạch đạt chuẩn theo quy định của Bộ Y tế.

- Triển khai đồng bộ, phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, con người Nam Định, trong đó quan tâm xây dựng môi trường văn hóa một cách toàn diện ở gia đình, nhà trường, cộng đồng dân cư, trong cơ quan Đảng, Nhà nước, đoàn thể, doanh nghiệp để văn hóa thực sự là động lực phát triển kinh tế - xã hội.

#### **6. Phát triển toàn diện, đảm bảo công bằng phúc lợi xã hội ở nông thôn**

- Lấy người dân nông thôn làm chủ thể, trọng tâm phát triển, đảm bảo tiếp cận bình đẳng các nguồn lực phát triển (vốn, đất, nước, năng lượng, khoa học công nghệ,...), các dịch vụ cơ bản, phúc lợi xã hội (dinh dưỡng, y tế, giáo dục, thể thao, văn hóa, thông tin, giao thông,...), các cơ hội (học, việc làm, thị trường,...). Tổ chức thực hiện tốt các chính sách phúc lợi xã hội cho người dân nông thôn. Chủ động phòng, chống rủi ro, đảm bảo an ninh và an toàn trước thiên tai, dịch họa, dịch bệnh và các biến động lớn.

- Thực hiện tốt các chính sách đối với người có công và các chính sách đảm bảo an sinh xã hội. Triển khai hiệu quả các chính sách giảm nghèo, hỗ trợ các hộ nghèo, hộ cận nghèo phát triển sản xuất, tăng thu nhập để thoát nghèo bền vững.

#### **7. Xây dựng cộng đồng vững mạnh làm nòng cốt phát triển nông thôn, sản xuất nông nghiệp**

- Củng cố truyền thống văn hóa tốt đẹp và quan hệ gắn kết cộng đồng đa dạng tại nông thôn. Tích cực hưởng ứng và phát huy hiệu quả của các phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư gắn với xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh”, “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”.

- Tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở; phát huy vai trò của các tổ chức cộng đồng, quy ước, hương ước, thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Ưu tiên dành nguồn lực tạo điều kiện thuận lợi đào tạo đội ngũ cán bộ làm công tác phát triển cộng đồng, phát triển nông thôn ở các cấp.

#### **8. Bảo vệ môi trường sinh thái, cảnh quan, ứng phó biến đổi khí hậu**

- Xây dựng và thực hiện tốt phương án bảo vệ môi trường, khai thác, bảo vệ tài nguyên, đa dạng sinh học; phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí



hậu. Chủ động xây dựng các phương án, kế hoạch phòng, tránh, giảm nhẹ thiên tai và phát triển các sinh kế bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu cho người dân phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh, nhất là các địa phương ven biển, vùng dễ bị tổn thương trước thiên tai; ứng phó, giảm thiểu những rủi ro do biến đổi khí hậu gây ra, nhất là trong mùa mưa bão, xâm nhập mặn, sạt lở bờ sông, đê biển,...

- Thực hiện đồng bộ các biện pháp xử lý triệt để ô nhiễm môi trường tại các làng nghề, các khu chăn nuôi, các cụm - điểm công nghiệp. Thường xuyên cải tạo nâng cấp các khu xử lý rác thải sinh hoạt tập trung ở các xã, thị trấn đảm bảo các xã, thị trấn có hoạt động xử lý rác thải thân thiện với môi trường.

- Kết hợp chặt chẽ giữa việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường với việc phát động thường xuyên, liên tục phong trào toàn dân tham gia xây dựng nông thôn “sáng - xanh - sạch - đẹp”. Quản lý, bảo vệ và làm đẹp cảnh quan môi trường nông thôn là yêu cầu thường xuyên liên tục, là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp, các cơ quan, đơn vị và mọi người dân. Lấy bảo vệ môi trường và sức khỏe của nhân dân làm mục tiêu hàng đầu; bảo đảm chất lượng môi trường sống, bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh thái xanh. Nhân rộng các mô hình cộng đồng dân cư làm tốt công tác bảo vệ môi trường và chỉnh trang làm đẹp cảnh quan nông thôn.

#### **IV. CÁC GIẢI PHÁP CHÍNH**

##### **1. Tuyên truyền, giáo dục đổi mới tư duy về phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững trong giai đoạn mới**

- Nội dung: Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân nông thôn trong giai đoạn mới, về cơ cấu lại nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới theo hướng nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hiện đại, nông dân văn minh.

- Hình thức tuyên truyền: Tuyên truyền thông qua báo, đài và các phương tiện thông tin đại chúng khác; tổ chức lồng ghép trong các buổi tập huấn, hội thảo, hội nghị, các cuộc thi tìm hiểu,...; tờ rơi, tờ gấp tuyên truyền;...

##### **2. Đổi mới tổ chức sản xuất kinh doanh, hoàn thiện quan hệ sản xuất**

- Tạo điều kiện cho kinh tế hộ gia đình phát triển trên nguyên tắc khuyến khích các hộ có khả năng về vốn, lao động và kinh nghiệm mở rộng quy mô sản xuất theo hình thức trang trại. Khuyến khích, hỗ trợ nông dân và các chủ trang trại thành lập HTX kiểu mới theo Luật HTX năm 2012. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ cho HTXNN để HTXNN làm đầu mối, đại diện nông dân liên kết với doanh nghiệp sản xuất và tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị.

- Hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nhất là các doanh nghiệp liên kết với HTX và hộ sản xuất cá thể hình thành các chuỗi khép kín từ sản xuất tới chế biến, tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp đồng thời chia sẻ rủi ro, nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Nhân rộng nhanh các mô hình liên kết chuỗi giá trị có hiệu quả, các mô hình thuê gom, tích tụ ruộng đất sản xuất hàng hóa tập trung.

- Đẩy mạnh phát triển công nghiệp, dịch vụ và làng nghề, ngành nghề nông thôn nhất là công nghiệp chế biến.

- Phát huy vai trò của các Hiệp hội trong công tác nghiên cứu và mở rộng thị trường. Hoàn tất sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước và các công ty nông, lâm nghiệp.

### **3. Nâng cao chất lượng đào tạo nghề; trình độ, hiệu quả trong công tác nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo**

- Đổi mới hình thức tổ chức và nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho nông dân, lao động trẻ nông thôn muốn khởi nghiệp các kỹ năng về nông nghiệp, kỹ năng mới đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 và thực hiện chuyển đổi số, kinh tế số theo hướng “trí thức hóa nông dân”; phát huy mạnh mẽ tiềm năng sáng tạo của người dân nông thôn; chuyển mạnh sang đào tạo theo nhu cầu của doanh nghiệp và thị trường để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động, gắn với giải quyết việc làm, xu hướng và nhu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn của từng địa phương.

- Tăng nguồn vốn đầu tư công trong nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực từ ngân sách và các thành phần kinh tế để tập trung đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng nông nghiệp, nông thôn theo hướng hiện đại, có trọng tâm, trọng điểm; đáp ứng yêu cầu của nền sản xuất hàng hóa quy mô lớn, hội nhập quốc tế; tăng cường năng lực phòng, chống giảm nhẹ thiên tai và xây dựng NTM.

- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học có trọng tâm, trọng điểm gắn với chuyển giao công nghệ, nâng cao năng lực khoa học công nghệ và chuyển đổi số phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế xã hội nói chung và sản xuất nông nghiệp, thủy sản nói riêng đáp ứng yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Tỉnh cho hội nhập khu vực và quốc tế. Tập trung nguồn lực triển khai có hiệu quả một số chương trình: Chương trình nghiên cứu, phát triển sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2030 (theo Quyết định số 703/QĐ-TTg ngày 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ); Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020 - 2030 (theo Quyết định số 885/QĐ-TTg ngày 23/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ); Đề án phát triển công nghiệp sinh học ngành nông nghiệp đến năm 2030 (theo Quyết định số 429/QĐ-TTg ngày 24/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ); chương trình chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp; chương trình xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2030; chương trình phát triển HTX và nâng cấp hạ tầng kỹ thuật phục vụ công tác phòng chống, giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống nhân dân, tạo tiền đề cho phát triển nông nghiệp bền vững, thân thiện với môi trường.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động sản xuất và cung ứng giống, vật tư phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật; kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng các chế phẩm, hóa chất độc hại, chất phụ gia, chất cấm trong sản xuất và bảo quản nông sản.

- Nâng cao năng lực của hệ thống khuyến nông; phối hợp với các đơn vị liên quan đẩy mạnh các hoạt động khuyến nông, tổ chức tốt tập huấn, hướng dẫn kỹ

thuật, chuyển giao công nghệ, nâng cao trình độ sản xuất, xây dựng nhiều mô hình sản xuất có hiệu quả kinh tế cao, từng bước nhân ra đại trà những mô hình thực sự có hiệu quả.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực khoa học và công nghệ, có chính sách trọng dụng và phát triển đối với lực lượng nghiên cứu khoa học trong các đơn vị sự nghiệp công lập, bồi dưỡng lực lượng chuyên gia chuyên ngành.

- Phát triển các tổ chức trung gian kết nối công nghệ (sàn giao dịch công nghệ, trung tâm giao dịch, trung tâm xúc tiến và hỗ trợ đổi mới sáng tạo,...) để cung cấp dịch vụ thông tin, tư vấn, môi giới công nghệ cho doanh nghiệp khởi nghiệp, trang trại, hợp tác xã phục vụ phát triển nông nghiệp và nông thôn.

#### **4. Phát triển thị trường, tăng cường công tác xúc tiến thương mại nông sản, nâng cao năng lực hội nhập quốc tế**

- Đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại nông sản bằng nhiều hình thức, trong đó chú trọng phát triển thương mại điện tử trong sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp và hệ thống bán lẻ hiện đại trên địa bàn tỉnh. Tổ chức các hoạt động kết nối cung cầu giữa vùng sản xuất với hệ thống phân phối; vận động và tạo điều kiện cho các cơ sở sản xuất kinh doanh, HTX, doanh nghiệp thường xuyên tham gia các hội chợ trong và ngoài tỉnh để quảng bá, tiếp thị sản phẩm.

- Tăng cường năng lực nghiên cứu, dự báo, thông tin thị trường, thông tin về các cam kết trong khuôn khổ hợp tác kinh tế quốc tế, các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới nhằm nâng cao năng lực hội nhập quốc tế cho doanh nghiệp. Mở rộng hợp tác quốc tế trong lĩnh vực nông nghiệp với các nước có nền nông nghiệp tiên tiến (Nhật Bản, Hàn Quốc,...); tạo điều kiện kết nối giữa các doanh nghiệp của tỉnh với các doanh nghiệp nước ngoài trong việc phát triển các chuỗi liên kết sản xuất – tiêu thụ nông sản, thực phẩm hàng hóa.

#### **5. Xây dựng, hoàn thiện kết cấu hạ tầng**

- Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực từ ngân sách và các thành phần kinh tế để tập trung đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng nông nghiệp, nông thôn theo hướng hiện đại, có trọng tâm, trọng điểm; đáp ứng yêu cầu của nền sản xuất hàng hóa quy mô lớn, hội nhập quốc tế; tăng cường năng lực phòng chống, giảm nhẹ thiên tai và xây dựng NTM.

- Bố trí nguồn lực đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng tại các vùng chuyển đổi, vùng sản xuất hàng hóa tập trung, vùng chăn nuôi trang trại, vùng sản xuất giống và nuôi trồng thủy sản tập trung đảm bảo sản xuất hiệu quả, bền vững; hoàn thiện hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão tàu cá, cơ sở dịch vụ hậu cần nghề cá kết hợp với cơ sở hạ tầng phục vụ chế biến thủy sản; xây mới, cải tạo, nâng cấp các tuyến kè chống sạt lở bờ sông, bờ biển bảo đảm an toàn phòng chống bão, lũ và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Đổi mới, nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác và vận hành các công trình thủy lợi; ứng dụng các công nghệ tiên tiến trong thiết kế xây dựng và quản lý các công trình thủy lợi để nâng cao năng lực dự báo hạn hán, xâm nhập mặn, ngập lụt, phòng chống thiên tai.

- Sử dụng hiệu quả các nguồn vốn hỗ trợ đầu tư xây dựng, hoàn thiện kết cấu hạ tầng lâm nghiệp để bảo vệ và phát triển rừng; bảo vệ, bảo tồn đa dạng sinh học, môi trường; ưu tiên phát triển rừng phòng hộ ven biển nhằm phòng, chống, giảm nhẹ tác động tiêu cực của thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Từng bước xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật số phục vụ sản xuất, kinh doanh nông nghiệp, tạo điều kiện hiện đại hóa nông thôn. Phát triển nền tảng công nghệ để phát triển hệ thống thông tin điện tử trên các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, du lịch và thương mại điện tử.

- Nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp nước sạch nông thôn; khuyến khích, tạo điều kiện cho doanh nghiệp đầu tư xây dựng, quản lý vận hành cung cấp nước sạch khu vực nông thôn, góp phần nâng cao đời sống cho nhân dân.

## **6. Đổi mới và nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước**

- Thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030. Đổi mới, hoàn thiện hệ thống bộ máy quản lý ngành. Cải cách thể chế, thủ tục hành chính, cơ quan quản lý tập trung vào xây dựng chính sách, chiến lược, pháp luật, ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, tháo gỡ các vấn đề về phát triển thị trường, bảo vệ sản xuất, biến đổi khí hậu; hạn chế can thiệp bằng các biện pháp hành chính vào các quyết định sản xuất, kinh doanh thuộc năng lực và trách nhiệm của người dân, doanh nghiệp.

- Triển khai sắp xếp, tinh giảm bộ máy, biên chế; hoàn thiện hệ thống, nâng cao chất lượng đội ngũ làm công tác quản lý ngành nông nghiệp chuyên nghiệp, hiệu lực, hiệu quả.

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, xây dựng đội ngũ cán bộ kỹ thuật và quản lý nông nghiệp có trình độ chuyên môn sâu, có kỹ năng, kỹ thuật trong xây dựng và phát triển nông nghiệp hiện đại, ứng dụng công nghệ cao. Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho nông dân; chuyển mạnh sang đào tạo theo nhu cầu của doanh nghiệp và thị trường, góp phần nâng cao năng suất lao động và tăng năng lực cạnh tranh trong tình hình mới. Đẩy mạnh quan hệ hợp tác giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp để triển khai các hoạt động đào tạo phù hợp.

- Đổi mới, nâng cao vai trò của Hội Nông dân, Liên minh HTX để thực sự trở thành đại diện bảo vệ quyền lợi và phục vụ cho nông dân và xã viên HTX. Nâng cao vị thế, vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, các hội, hiệp hội nghề nghiệp, đưa các tổ chức xã hội ở nông thôn vào tham gia quá trình phát triển kinh tế xã hội, môi trường, thể chế trong nông nghiệp, nông thôn. Xây dựng cộng đồng dân cư ở nông thôn hiện đại, dân chủ, công bằng, văn minh theo phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân thụ hưởng” để người dân thực sự đóng vai trò chủ thể, trung tâm của quá trình phát triển.

## **7. Thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp nông thôn**

- Phát triển và hướng đến đồng bộ các công cụ phục vụ chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp nông thôn. Số hóa, tạo lập dữ liệu, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu đất đai nông nghiệp, cây trồng, vật nuôi, thủy sản, thủy lợi, phòng chống thiên tai,

dịch bệnh; kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu ngành, lĩnh vực phục vụ chỉ đạo, điều hành của các cơ quan nhà nước và sản xuất, kinh doanh của người dân, doanh nghiệp.

- Phát triển các mô hình nông nghiệp thông minh ứng dụng công nghệ số trong nông nghiệp nông thôn. Phát triển, quản lý nông sản từ quá trình sản xuất, thu hoạch, sơ chế, bảo quản, vận chuyển, chế biến và tiêu thụ sản phẩm tạo sự minh bạch thông tin, đảm bảo truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

- Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp, HTX chuyển đổi số trong nông nghiệp. Tập trung đầu tư, ứng dụng công nghệ thông tin để xây dựng chính phủ điện tử. Ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ cao trong thu thập, quản lý thông tin, phân tích và cảnh báo dịch bệnh, thiên tai; quản lý vùng nguyên liệu.

- Từng bước xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu số sản xuất, kinh doanh nông nghiệp (quản lý đất đai, số hóa vùng trồng, cây trồng, vật nuôi, rừng, thủy sản, thủy lợi, phòng chống thiên tai, dịch bệnh, thị trường,...).

### **8. Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, quản lý rủi ro**

- Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu để thích ứng, phát triển sản xuất kinh doanh nông nghiệp theo hướng “thuận thiên”.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao ý thức người dân về bảo vệ môi trường, giảm thiểu rác thải nhựa và thực hiện phân loại rác thải tại nguồn, nhất là tại các làng nghề, các khu chăn nuôi, trồng trọt tập trung. Tăng cường áp dụng các biện pháp sử dụng nước tưới tiết kiệm; quản lý, sử dụng hiệu quả, an toàn các loại phân bón, hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật; quản lý, thu gom, phân loại và có biện pháp xử lý triệt để chất thải phát sinh trong hoạt động chăn nuôi, trồng trọt, công nghiệp chế biến và chất thải ở các làng nghề, đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và góp phần giảm phát thải khí nhà kính.

- Bảo vệ, nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên trong ngành nông nghiệp. Tăng cường các biện pháp bảo vệ tài nguyên rừng, tài nguyên nước và tài nguyên biển. Phát triển các mô hình đồng quản lý; xây dựng các mô hình chuyển đổi nghề, tạo sinh kế thay thế cho các nghề khai thác hải sản ảnh hưởng đến nguồn lợi và môi trường.

- Thực hiện lồng ghép các kịch bản biến đổi khí hậu, nước biển dâng vào các chương trình, dự án thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp, có phương án, giải pháp ứng phó kịp thời. Xây dựng kế hoạch, các biện pháp chủ động phòng ngừa, kiểm soát an toàn thiên tai, kịp thời ứng phó, khắc phục hậu quả nhằm giảm nhẹ thiệt hại. Nâng cao hiệu quả quản lý rủi ro, từng bước hiện đại hóa, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, tự động hóa trong công tác quản lý, dự báo, cảnh báo và phòng chống thiên tai.

### **9. Hội nhập và hợp tác quốc tế**

- Nâng cao năng lực, hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế về nông nghiệp và nông thôn; mở rộng hợp tác quốc tế trong lĩnh vực nông nghiệp với các nước có nền nông nghiệp tiên tiến (Nhật Bản, Hàn Quốc...) và các tổ chức quốc tế để tranh thủ, thu hút nguồn vốn, phát triển thị trường, tiếp cận khoa học công nghệ phục vụ



cho các mục tiêu phát triển của ngành; tạo điều kiện kết nối giữa các doanh nghiệp của tỉnh với các doanh nghiệp nước ngoài trong việc phát triển các chuỗi liên kết sản xuất – tiêu thụ nông sản, thực phẩm hàng hóa.

- Nâng cao hiệu quả huy động và sử dụng các nguồn vốn phát triển chính thức (ODA), tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho thực hiện phát triển bền vững; thu hút có lựa chọn đầu tư trực tiếp của nước ngoài.

#### **10. Đổi mới, hoàn thiện và triển khai một số cơ chế chính sách thúc đẩy phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa**

- Tổ chức thực hiện hiệu quả các chính sách của Trung ương về nông nghiệp, nông thôn như: Nghị định 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Nghị định 58/2018/NĐ-CP về bảo hiểm nông nghiệp; Nghị định 55/2015/NĐ-CP về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn,...

- Cùng với các chính sách của Trung ương, tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung và ban hành một số cơ chế chính sách của tỉnh khuyến khích, hỗ trợ phát triển nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ và ngành nghề nông thôn. Xây dựng chính sách phù hợp giải quyết tốt vấn đề nông nghiệp, nông dân và nông thôn, tạo nghề cho lao động nông nghiệp bị thu hồi đất sản xuất; khuyến khích đầu tư tăng giá trị trên héc-ta đất canh tác theo hướng nâng cao chất lượng, áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

- Tạo điều kiện cho các tổ chức tín dụng mở rộng mạng lưới (phòng giao dịch, ATM) về địa bàn nông thôn; chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn mở rộng và tăng trưởng tín dụng cho nông nghiệp, nông thôn, nông dân nhằm xây dựng nền nông nghiệp toàn diện theo hướng phát triển bền vững hiện đại, phát triển mạnh công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn, gắn đầu tư tín dụng với việc thực hiện các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Chủ động cân đối thêm vốn cho những nơi có sản xuất hàng hóa xuất khẩu thu ngoại tệ, những nơi gặp khó khăn về vốn do hậu quả bão, lụt, dịch bệnh gây ra. Đồng thời yêu cầu các tổ chức tín dụng tiếp tục cải cách, tiết giảm thủ tục vay vốn cho phù hợp đặc thù sản xuất nông nghiệp và trình độ của người dân khu vực nông thôn, đa dạng hóa sản phẩm tín dụng, dịch vụ ngân hàng nhằm tăng khả năng tiếp cận tín dụng cho nông dân và các đối tác kinh tế đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; tập trung thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho người dân, doanh nghiệp, đảm bảo tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả. Triển khai thực hiện tốt các chương trình tín dụng trọng điểm đối với địa bàn nông thôn, nhất là chính sách về lãi suất và thực hiện các giải pháp tín dụng hỗ trợ tháo gỡ khó khăn đối với khách hàng vay.

- Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất: Tổ chức lại sản xuất nông nghiệp theo hướng khuyến khích, hỗ trợ nông dân và các chủ trang trại thành lập hợp tác xã kiểu mới theo Luật trên nguyên tắc tự nguyện, tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi nhất để doanh nghiệp liên kết với HTX và hộ sản xuất cá thể hình thành các chuỗi khép kín từ sản xuất nguyên liệu tới chế biến, tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh gắn với truy xuất nguồn



gốc nông sản; tích cực thu hút các doanh nghiệp có tiềm lực khoa học công nghệ và tài chính đầu tư vào nông nghiệp của tỉnh.

- Từ thực tiễn phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn của tỉnh, tích cực chủ động tham gia góp ý với các Bộ, ngành Trung ương trong xây dựng, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

### **11. Giám sát và đánh giá**

- Tổ chức giám sát nhằm nâng cao hiệu quả và hiệu lực thực hiện Kế hoạch làm căn cứ điều chỉnh kế hoạch và giải pháp kịp thời. Giám sát các chương trình, đề án, dự án thực hiện Chiến lược thường xuyên, định kỳ theo kế hoạch 5 năm, hàng năm hoặc đột xuất. Rà soát, điều chỉnh Kế hoạch thực hiện Chiến lược phù hợp với từng giai đoạn, điều kiện thực tiễn. Việc đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược được thực hiện đảm bảo nguyên tắc độc lập, khách quan.

- Xây dựng, triển khai hệ thống lập kế hoạch và giám sát ngành nông nghiệp, nông thôn trên cơ sở ứng dụng khoa học công nghệ, đáp ứng yêu cầu kịp thời, chính xác, đồng bộ phục vụ công tác quản lý, quy hoạch và phát triển sản xuất, kinh doanh lĩnh vực nông nghiệp.

## **V. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN TRỌNG TÂM, ƯU TIÊN**

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

## **VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

Thực hiện đa dạng nguồn vốn huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để triển khai thực hiện Chiến lược.

1. Nguồn ngân sách nhà nước cấp hàng năm (chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên) theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

2. Kinh phí lồng ghép trong các Chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án đầu tư công giai đoạn 2021 - 2030.

3. Kinh phí vận động, huy động từ các nhà tài trợ nước ngoài, các tổ chức quốc tế, các doanh nghiệp, tổ chức cá nhân trong, ngoài nước và các nguồn vốn hợp pháp khác.

## **VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Sở Nông nghiệp và PTNT**

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện và hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện Kế hoạch; thường xuyên đôn đốc, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch; tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và PTNT kết quả thực hiện hàng năm và theo yêu cầu; tổ chức sơ kết thực hiện Kế hoạch vào năm 2025 và tổng kết tình hình thực hiện Kế hoạch vào năm 2030.

### **2. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh cân đối, bố trí vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021 - 2030 và trong kế hoạch 05 năm cho ngành nông nghiệp, nông thôn để thực hiện Kế hoạch.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố tham mưu xây dựng và triển khai hiệu quả cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; điều chỉnh cơ cấu đầu tư công trong nông nghiệp. Chủ động rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách thu hút các nguồn lực đầu tư, đầu tư theo hình thức đối tác công tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế hợp tác.

### **3. Sở Tài chính**

Căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí chi thường xuyên để thực hiện Kế hoạch.

### **4. Sở Công Thương**

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan đẩy mạnh các hoạt động kết nối cung cầu, mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản của địa phương tại thị trường trong nước, phát triển thị trường tiêu thụ nông sản ở nước ngoài thông qua các hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu; hỗ trợ doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp tại địa phương tăng cường ứng dụng thương mại điện tử trong tiêu thụ nông sản.

- Phối hợp với các Sở, ngành liên quan triển khai thực hiện chính sách thương mại hàng nông sản, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, hợp tác xã phân phối các mặt hàng nông sản trên địa bàn.

- Phối hợp với Cục Quản lý thị trường tỉnh kiểm tra, giám sát thị trường đối với các lĩnh vực về giá, chất lượng sản phẩm, quy định về an toàn thực phẩm, các hành vi đầu cơ, găm hàng, tăng giá trái pháp luật trên địa bàn tỉnh.

### **5. Sở Khoa học và Công nghệ**

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT triển khai hiệu quả các Chương trình: Sản phẩm quốc gia, phát triển khoa học công nghệ cao, đổi mới công nghệ quốc gia và các chương trình khoa học công nghệ khác hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn; rà soát, đề xuất điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách phát triển nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ trong nông nghiệp, đặc biệt là công nghệ cao, công nghệ số; tham mưu xây dựng cơ chế thúc đẩy xã hội hóa nguồn lực phát triển khoa học, công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; tham mưu xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn triển khai áp dụng công cụ quản lý, quy trình quản lý hiện đại; hỗ trợ đăng ký bảo hộ, quản lý, bảo vệ và khai thác, phát triển tài sản trí tuệ, sản phẩm được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

### **6. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội**

Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung chính sách hỗ trợ đào tạo nghề nông nghiệp, nông thôn gắn với chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn; đào tạo nghề gắn với địa chỉ sử dụng lao động cụ thể (doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh, HTX,...). Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT lập kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao phục vụ sản xuất kinh doanh nông nghiệp, chế biến, bảo quản nông sản đáp ứng nhu cầu của cơ cấu lại ngành nông nghiệp và xây dựng NTM.

## **7. Sở Tài nguyên và Môi trường**

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Đất đai và các quy định pháp luật khác có liên quan theo hướng khuyến khích tích tụ, tập trung đất đai phục vụ sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, phát triển thị trường quyền sử dụng đất trong nông nghiệp.

## **8. Sở Thông tin và Truyền thông**

Tăng cường thông tin, tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước để thực hiện Chiến lược. Phối hợp triển khai các nội dung về xây dựng hạ tầng thông tin truyền thông, hạ tầng số phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

## **9. Sở Giáo dục và Đào tạo**

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT tăng cường hoạt động khởi nghiệp trong học sinh, sinh viên gắn với lĩnh vực sản xuất kinh doanh nông nghiệp và xây dựng NTM.

## **10. Sở Nội vụ**

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố nghiên cứu, tham mưu chính sách đổi mới hoàn thiện hệ thống bộ máy quản lý ngành nông nghiệp để cải cách thể chế, thủ tục quản lý, đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý các đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh xã hội hóa, phân cấp cho các tổ chức nông dân, kinh tế hợp tác và khối tư nhân tham gia cung cấp dịch vụ công, đổi mới hoạt động đoàn thể xã hội theo nội dung Kế hoạch.

## **11. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT tham mưu xây dựng chương trình, cơ chế chính sách phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng NTM; phối hợp triển khai các hoạt động thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm thuộc Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP) tại các thị trường khách du lịch trọng điểm.

## **12. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Nam Định**

Tiếp tục thực hiện hiệu quả chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn. Chỉ đạo các tổ chức tín dụng đơn giản hóa thủ tục, cân đối nguồn vốn nhằm đáp ứng cho nhu cầu vốn và phát triển các sản phẩm dịch vụ ngân hàng nhằm tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tiếp cận nguồn vốn tín dụng và các sản phẩm dịch vụ ngân hàng một cách tốt nhất để đầu tư, phát triển nông nghiệp, nông thôn; đặc biệt là các dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp chế biến, cơ giới hóa, phát triển nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn.

## **13. UBND các huyện, thành phố**

- Xây dựng Kế hoạch thực hiện “Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050” của địa phương phù hợp với thực tiễn và kế hoạch chung của ngành giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đảm bảo hiệu quả các mục tiêu đã đề ra.

- Tổ chức thực hiện hiệu quả các chính sách của Trung ương, của tỉnh đã ban hành, đồng thời phối hợp tốt với các Sở, ngành liên quan để nghiên cứu, đề xuất UBND tỉnh, HĐND tỉnh tiếp tục ban hành cơ chế, chính sách đặc thù của tỉnh phù hợp với thực tiễn, nhằm đẩy mạnh thực hiện và nâng cao hiệu quả thực hiện Kế hoạch. Bố trí ngân sách địa phương các cấp, huy động nguồn lực từ các thành phần kinh tế đầu tư vào phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, các Sở, ngành có liên quan tiếp tục xây dựng, phát triển vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao; hỗ trợ thành lập, phát triển các hình thức sản xuất tiên tiến trên địa bàn, nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả.

Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch, nếu có khó khăn, vướng mắc, các Sở, ngành, địa phương phản ánh về Sở Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Đ/c Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở: NNPTNT, KHĐT, TC, CT, KHCN, TNMT, TTTT, LĐTBXH, GDĐT, NV, VHTTDL;
- NHNN chi nhánh tỉnh Nam Định;
- Cục Quản lý thị trường Nam Định;
- UBND các huyện, thành phố;
- Công TTĐT tỉnh;
- CPVP UBND tỉnh;
- Lưu: VP1, VP3.

*[Signature]*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Anh Dũng**

**Phụ lục**  
**DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN TRỌNG TÂM, ƯU TIÊN THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC**  
**PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP VÀ NÔNG THÔN BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2030,**  
**TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NAM ĐỊNH**

(Kèm theo Kế hoạch số: 41 /KH-UBND ngày 30/3/2022 của UBND tỉnh Nam Định)

TT	Chương trình/dự án	Nội dung/nhiệm vụ cụ thể	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
1	Xây dựng và phát triển mô hình chuỗi sản xuất, tiêu thụ nông sản đảm bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mô hình liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm lúa, gạo chất lượng cao.</li> <li>- Mô hình liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm rau, củ theo tiêu chuẩn an toàn/VietGAP.</li> <li>- Mô hình liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm thịt (lợn, gà) đảm bảo an toàn thực phẩm.</li> <li>- Mô hình liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm cá/tôm đảm bảo an toàn thực phẩm.</li> </ul>	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Công Thương; UBND các huyện, thành phố	2022 - 2030	NSTW, NS tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác
2	Nâng cao năng lực sản xuất giống cây trồng, vật nuôi đáp ứng phát triển nông nghiệp bền vững	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đầu tư cơ sở hạ tầng cho các Trung tâm, doanh nghiệp sản xuất giống cây trồng, vật nuôi chủ lực của tỉnh.</li> <li>- Ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất giống, cây trồng vật nuôi.</li> </ul>	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Khoa học và Công nghệ	2022 - 2030	
3	Xây dựng các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Xây dựng các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: sản xuất lúa giống, rau, hoa; chăn nuôi lợn; vùng sản xuất giống và nuôi trồng thủy sản	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Khoa học và Công nghệ; UBND các huyện, thành phố	2022 - 2030	NSTW, NS tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác
4	Xây dựng mô hình nông nghiệp hữu cơ	Các mô hình nông nghiệp hữu cơ: Lúa gạo đặc sản; rau, củ, quả; chăn nuôi lợn; nuôi tôm, cá; sản xuất muối.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Khoa học và Công nghệ; UBND các huyện, thành phố	2022 - 2030	

TT	Chương trình/dự án	Nội dung/nhiệm vụ cụ thể	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
5	Phát triển hệ thống thủy lợi, cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển nông nghiệp bền vững	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cải tạo, nâng cấp hệ thống thủy lợi vùng đồng bằng sông Hồng và phụ cận theo hướng quản lý nước hiệu quả phục vụ cơ cấu ngành nông nghiệp, nông thôn.</li> <li>- Xây dựng, cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng vùng sản xuất giống và NTTS tập trung, các vùng chuyển đổi sang nuôi trồng thủy sản và cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất muối.</li> <li>- Nâng cấp hệ thống thủy lợi tỉnh Nam Định thích ứng với biến đổi khí hậu.</li> </ul>	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan	2022-2030	ODA, NSTW, NS tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác
6	Nâng cấp hệ thống đê sông, đê biển ứng phó BĐKH, đảm bảo an toàn cho sản xuất nông nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cải tạo, nâng cấp một số đoạn đê xung yếu trên tuyến đê sông tỉnh Nam Định.</li> <li>- Cải tạo, nâng cấp tuyến đê, kè, cống trên tuyến đê hữu sông Hồng, đê tả Đào, đê hữu sông Đào.</li> </ul>	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan	2022 - 2030	Trái phiếu Chính phủ, NSTW, NS tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác
7	Đổi mới hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hỗ trợ thành lập mới HTXNN; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nhận thức, năng lực của HTX; đầu tư hạ tầng và chế biến sản phẩm.</li> <li>- Hỗ trợ phát triển cơ giới hóa đồng bộ; phát triển làng nghề.</li> <li>- Đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn.</li> </ul>		UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan	2022 - 2030	NSTW, NS tỉnh, kinh phí lồng ghép trong các Chương trình MTQG
8	Xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu	Nội dung, nhiệm vụ cụ thể theo Chương trình của từng giai đoạn 2022 - 2025 và 2026 - 2030	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan	2022 - 2030	NSTW; vốn lồng ghép các chương trình, dự án; vốn huy động đóng góp của nhân dân; vốn đầu tư phát triển sản xuất của các tổ chức, cá nhân; vốn tín dụng và các nguồn vốn hợp pháp khác